

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HOÁ  
**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /SNN&PTNT-QLXDCT

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

V/v thông báo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán các hạng mục thuộc dự án Duy tu bảo dưỡng đê điều năm 2023, tỉnh Thanh Hóa.

Kính gửi: Chi cục Thủy lợi.

Sở Nông nghiệp và PTNT nhận được Tờ trình số 22/TTr-CCTL ngày 13/9/2022 của Chi cục Thủy lợi về việc đề nghị phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình các hạng mục thuộc dự án Duy tu bảo dưỡng đê điều năm 2023, tỉnh Thanh Hóa (kèm theo hồ sơ);

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội;

Căn cứ các Quyết định của Cục trưởng Cục quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai: số 68/QĐ-ĐĐ-QLĐĐ ngày 22/3/2023 về việc phê duyệt Kế hoạch duy tu bảo dưỡng đê điều năm 2023, tỉnh Thanh Hoá; số 208/QĐ-ĐĐ-QLĐĐ ngày 23/6/2023 về việc điều chỉnh Kế hoạch; phê duyệt Dự án và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Duy tu bảo dưỡng đê điều năm 2023, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Công văn số 784/PCTT- QLĐĐ ngày 12/9/2023 của Cục quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai về việc thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán các hạng mục thuộc dự án Duy tu bảo dưỡng đê điều năm 2023, tỉnh Thanh Hóa;

Sau khi xem xét, Sở Nông nghiệp và PTNT thông báo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán các hạng mục thuộc dự án Duy tu bảo dưỡng đê điều năm 2023, tỉnh Thanh Hóa như sau:

## **I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH**

1. Tên các hạng mục công trình:

1.1. Các hạng mục gia cố mặt đê bằng bê tông bao gồm: (i) đê hữu Mã đoạn từ K51+500 ÷ K53+369,3, thành phố Thanh Hóa; (ii) đê tả Mã đoạn từ K24+890 ÷ cống Bông, huyện Vĩnh Lộc; (iii) đê tả Lèn đoạn từ cống Bông ÷ K0+800, huyện Hà Trung; (iv) đê hữu Lạch Trường đoạn từ K8+690 ÷ K9+450, huyện Hoằng Hóa; (v) đê hữu Mã đoạn từ K33+352 ÷ K33+900, huyện Thiệu Hóa; (vi) đê biển đoạn từ K1+650 ÷ K2+970, huyện Hậu Lộc.

1.2. Tu sửa các cống: (i) Hoàn triệt cống trạm bơm Thọ Minh tại K2+600; (ii) Hoàn triệt cống trạm bơm Xuân Lai tại K13+350 đê tả Chu, huyện Thọ Xuân; (iii) Tu sửa cống Hoằng Phụ I tại K64+000 đê tả Mã, huyện Hoằng Hóa; (iv) Tu sửa cống Phú Nhi tại K21+175 đê hữu Lèn, huyện Hậu Lộc; (v) Tu sửa cống Hội Kê tại K22+704 đê tả Lèn, huyện Nga Sơn; (vi) Tu sửa cống Hậu Trạch I tại K29+643 đê tả Lèn, huyện Nga Sơn; (vii) Tu sửa cống Trung Tuyết I tại K7+800 đê tả Lạch Trường, huyện Hoằng Hóa.

1.3. Tu sửa kè đoạn từ K11+500 ÷ K12+457 đê hữu Chu, huyện Thọ Xuân.

1.4. Xử lý mối bằng công nghệ mới đê tả Mã đoạn từ K8+208 ÷ K14+000, huyện Vĩnh Lộc.

1.5. Xây dựng kho vật tư phòng chống lụt bão kết hợp điểm canh đê: Xây dựng mới 04 kho vật tư kết hợp điểm canh đê, trong đó 02 kho trên tuyến đê hữu Mã tại các vị trí K20+580, K54+654; 01 kho trên tuyến đê tả Mã tại K12+600; 01 kho trên tuyến đê hữu Lèn tại K18+000.

1.6. Khoan phụt vữa gia cố thân đê hữu Mã các đoạn từ K16+900 ÷ K19+400, K20+300 ÷ K21+600, huyện Yên Định.

1.7. Phát quang mái đê các đoạn từ K13+300 ÷ K16+700, K22+000 ÷ K26+300 đê tả Chu, huyện Thọ Xuân và Thiệu Hóa; K20+650 ÷ K24+142 đê hữu Chu, huyện Thọ Xuân; và K47+000 ÷ K48+000 đê hữu Mã, thành phố Thanh Hóa.

2. Loại, cấp công trình: Công trình đê điều, cấp I, II và III.

3. Tên dự án: Dự án Duy tu bảo dưỡng đê điều năm 2023, tỉnh Thanh Hóa.

4. Địa điểm xây dựng công trình: Thành phố Thanh Hóa; các huyện Vĩnh Lộc, Hà Trung, Hoằng Hóa, Thiệu Hóa, Hậu Lộc, Thọ Xuân, Nga Sơn và Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

5. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa.

6. Giá trị dự toán xây dựng trình thẩm định: 40.000.000.000 đồng.

7. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế thủy lợi năm 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý.

8. Nhà thầu khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán:

- Viện Sinh thái và Bảo vệ công trình khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục xử lý mối bằng công nghệ mới hạng mục đê tả sông Mã

đoạn từ K8+208 - K14+000, huyện Vĩnh Lộc;

- Liên danh Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng hạ tầng Huy Hoàng
- Công ty TNHH Tư vấn xây dựng hạ tầng Nông nghiệp nông thôn khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán các hạng mục còn lại.

## **II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG**

### **1. Văn bản pháp lý:**

- Các Quyết định của Cục trưởng Cục quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai: số 68/QĐ-ĐĐ-QLĐĐ ngày 22/3/2023 về việc phê duyệt Kế hoạch duy tu bảo dưỡng đê điều năm 2023, tỉnh Thanh Hoá; số 208/QĐ-ĐĐ-QLĐĐ ngày 23/6/2023 về việc điều chỉnh Kế hoạch; phê duyệt Dự án và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Duy tu bảo dưỡng đê điều năm 2023, tỉnh Thanh Hóa;

- Công văn số 784/PCTT-QLĐĐ ngày 12/9/2023 của Cục quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai về việc thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán các hạng mục thuộc dự án Duy tu bảo dưỡng đê điều năm 2023, tỉnh Thanh Hóa;

- Tờ trình số 22/TTr-CCTL ngày 13/9/2021 của Chi cục Thủy lợi về việc đề nghị phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình các hạng mục thuộc dự án Duy tu bảo dưỡng đê điều năm 2023, tỉnh Thanh Hóa.

### **2. Hồ sơ, tài liệu khảo sát, thiết kế:**

- Hồ sơ khảo sát xây dựng: Báo cáo khảo sát địa hình; bản vẽ bình đồ, cắt dọc ngang;

- Hồ sơ thiết kế: Thuyết minh thiết kế bản vẽ thi công; Thuyết minh chỉ dẫn thi công; Quy trình vận hành - bảo trì; Chiết tính khối lượng; Tổng dự toán xây dựng công trình; Tập hồ sơ bản vẽ thiết kế bản vẽ thi công.

3. Năng lực hoạt động xây dựng của các tổ chức và năng lực hành nghề hoạt động xây dựng của các cá nhân tham gia thiết kế xây dựng công trình:

3.1. Liên danh Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng hạ tầng Huy Hoàng - Công ty TNHH tư vấn xây dựng hạ tầng Nông nghiệp nông thôn:

#### **a) Năng lực của Liên danh:**

Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng hạ tầng Huy Hoàng có chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số THH-00001549 do Sở Xây dựng Thanh Hóa cấp ngày 01/6/2017, được bổ sung ngày 19/9/2018; đến ngày nộp hồ sơ trình thẩm định còn hiệu lực. Lĩnh vực hoạt động xây dựng của công ty phù hợp với nội dung, quy mô của dự án. Công ty TNHH tư vấn xây dựng hạ tầng Nông nghiệp nông thôn có chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số THH-00028093 do Sở Xây dựng Thanh Hóa cấp ngày 24/7/2020; đến ngày nộp hồ sơ trình thẩm định còn hiệu lực. Lĩnh vực hoạt động xây dựng của công ty phù hợp với nội dung, quy mô của dự án.

#### **b) Năng lực của các cá nhân tham gia lập thiết kế BVTC-DT:**

- Chủ nhiệm công trình: Phùng Xuân Hoàng, có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lĩnh vực thiết kế công trình nông nghiệp và PTNT số THH-00075471 do Sở Xây dựng Thanh Hóa cấp ngày 23/10/2019; đến ngày nộp hồ sơ trình thẩm định chứng chỉ hành nghề còn hiệu lực;

- Chủ trì thiết kế 1: Bà Lê Diễm Hà, có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lĩnh vực thiết kế công trình phục vụ nông nghiệp và PTNT số THH-00138524 do Sở Xây dựng Thanh Hóa cấp ngày 27/4/2022; đến ngày nộp hồ sơ trình thẩm định chứng chỉ hành nghề còn hiệu lực;

- Chủ trì thiết kế 2: Bà Triệu Thị Bình, có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lĩnh vực thiết kế công trình phục vụ nông nghiệp và PTNT số THH-00085406 do Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 21/02/2020; đến ngày nộp hồ sơ trình thẩm định chứng chỉ hành nghề còn hiệu lực;

- Chủ trì lập dự toán: Ông Lê Minh Dũng, có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lĩnh vực định giá xây dựng hạng II số THH-00013374 do Sở Xây dựng Thanh Hóa cấp ngày 17/11/2017; đến ngày nộp hồ sơ trình thẩm định chứng chỉ hành nghề còn hiệu lực;

- Chủ nhiệm khảo sát địa hình: Ông Nguyễn Văn Dũng, có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lĩnh vực Khảo sát địa hình số THH-00007962 do Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 06/5/2021; đến ngày nộp hồ sơ trình thẩm định chứng chỉ hành nghề còn hiệu lực.

### 3.2. Viện Sinh thái và Bảo vệ công trình:

#### a) Năng lực của đơn vị:

Viện Sinh thái và Bảo vệ công trình có chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số A-671 do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp ngày 24/5/2019. Đến ngày nộp hồ sơ trình thẩm định chứng chỉ hành nghề còn hiệu lực. Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ của Viện phù hợp với nội dung, quy mô của dự án.

#### b) Năng lực của các cá nhân tham gia lập thiết kế BVTC-DT:

- Chủ nhiệm khảo sát địa hình: Ông Nguyễn Văn Trường, có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lĩnh vực Khảo sát địa hình số HAN-00057915 do Sở Xây dựng thành phố Hà Nội cấp ngày 03/5/2019; đến ngày nộp hồ sơ trình thẩm định chứng chỉ hành nghề còn hiệu lực.

- Chủ trì thiết kế xử lý môi: Bà Phan Thị Thu, có chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ tư vấn thiết kế và thi công phòng trừ môi cho công trình đê, đập số 03/BDVST do Viện Sinh thái và Bảo vệ công trình cấp ngày 29/4/2021, có giá trị đến ngày 30/4/2024;

- Chủ trì dự toán: Bà Hoàng Thị Dung, có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lĩnh vực định giá xây dựng hạng II số HAN-00055151 do Sở Xây dựng Hà Nội cấp ngày 29/3/2019; đến ngày nộp hồ sơ trình thẩm định chứng chỉ hành

nghe còn hiệu lực.

### III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Nội dung cơ bản của hồ sơ trình phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình các hạng mục thuộc dự án Duy tu bảo dưỡng đê điều năm 2023, tỉnh Thanh Hóa được gửi kèm theo Tờ trình số 22/TTr-CCTL ngày 13/9/2023 của Chi cục Thủy lợi như sau:

1. Mục tiêu đầu tư: Duy tu bảo dưỡng, sửa chữa, xử lý những hư hỏng của công trình đê điều.

2. Tóm tắt nội dung đầu tư và giải pháp kỹ thuật chủ yếu:

2.1. Gia cố mặt đê:

2.1.1. Gia cố mặt đê hữu Mã đoạn từ K51+500 ÷ K53+369,3, thành phố Thanh Hóa: Chiều rộng mặt đê thiết kế  $B=(6,5\div 7,0)$  m, chiều rộng gia cố  $B_{gc}=6,0$ m bằng bê tông thường (BTT) M250 dày 20 cm, bù phụ mặt đê cũ bằng CPĐD loại II; lề mỗi bên rộng 0,5 m bằng đất đắp; đối với những đoạn đê vị trí mái đê phía sông có kè gia cố, làm gờ chắn bánh lề đê phía sông; những vị trí mái đê đắp mới được trồng cỏ mái chống xói lở. Vuốt nổi từ tuyến đê với các dốc hiện có bằng BTT M250 dày 15 cm.

2.1.2. Gia cố mặt đê tả Mã đoạn từ K24+890 ÷ cống Bông, huyện Vĩnh Lộc: Chiều rộng mặt đê thiết kế  $B=(6,0\div 8,0)$  m, chiều rộng gia cố  $B_{gc}=(6,0\div 7,0)$  m bằng BTT M250 dày 20cm phía trên lớp bê tông mặt đê cũ bị hư hỏng, bù phụ bằng BTT M250; lề mỗi bên rộng 0,5 m bằng đất đắp; đối với những đoạn đê vị trí mái đê phía sông có kè gia cố, làm gờ chắn bánh lề đê phía sông, đoạn qua khu dân cư lề đê gia cố bằng BTT M250; những vị trí mái đê đắp mới được trồng cỏ mái chống xói lở. Đoạn phía đồng có đường hành lang hiện trạng bằng bê tông, làm tường chắn đất chân mái đê phía đồng bằng bê tông cốt thép (BTCT) M250, lưng tường phía giáp đất bố trí hệ thống thoát nước giảm áp; dọc theo chiều dài tường cứ 11,8 m cắt một khe lún chèn giấy dầu tấm nhựa đường. Vuốt nổi từ tuyến đê với các dốc hiện có và gia cố 02 dốc lên xuống đê bằng BTT M250 dày 15 cm.

2.1.3. Gia cố mặt đê tả Lèn đoạn từ cống Bông ÷ K0+800, huyện Hà Trung: Chiều rộng mặt đê thiết kế  $B=(4,0\div 6,0)$  m, chiều rộng gia cố  $B_{gc}=(4,0\div 5,0)$ m bằng BTT M250, dày 20 cm phía trên lớp bê tông mặt đê cũ bị hư hỏng, bù phụ bằng BTT M250; phạm vi đắp mở rộng mặt đê được gia cố lớp móng bằng cấp phối đá dăm (CPĐD) loại II dày 18 cm; lề mỗi bên rộng 0,5 m bằng đất đắp, làm gờ chắn bánh hai bên lề đê đoạn qua cống Bông, đoạn qua khu dân cư lề đê gia cố bằng BTT M250; những vị trí mái đê đắp mới được trồng cỏ mái chống xói lở. Vuốt nổi từ tuyến đê với các dốc hiện có và gia cố 03 dốc lên xuống đê bằng BTT M250 dày 15 cm.

2.1.4. Gia cố mặt đê hữu Lạch Trường đoạn từ K8+690÷K9+450, huyện Hoằng Hóa: Chiều rộng mặt đê thiết kế  $B=6,5$  m, chiều rộng gia cố  $B_{gc}=5,8$  m bằng BTT M250, dày 20 cm phía trên lớp bê tông mặt đê cũ bị hư hỏng, bù phụ

bằng BTT M250; lề đê phía đồng rộng 0,5 m bằng đất đắp; những vị trí mái đê đắp mới được trồng cỏ mái chống xói lở. Vuốt nổi từ tuyến đê với các dốc hiện có và gia cố 05 dốc lên xuống đê bằng BTT M250 dày 15 cm.

2.1.5. Gia cố mặt đê hữu Mã đoạn từ K33+352÷K33+900, huyện Thiệu Hóa: Chiều rộng mặt đê thiết kế  $B=6,0$  m, chiều rộng gia cố  $B_{gc}=6,0$  m bằng BTT M250, dày 20 cm phía trên lớp bê tông mặt đê cũ bị hư hỏng, bù phụ bằng BTT M250; hai bên lề đê làm gờ chắn bánh; những vị trí mái đê đắp mới được trồng cỏ mái chống xói lở. Vuốt nổi từ tuyến đê với các dốc hiện bằng BTT M250 dày 15 cm.

2.1.6. Gia cố mặt đê biển đoạn từ K1+650-K2+970, huyện Hậu Lộc: Chiều rộng mặt đê thiết kế  $B=(6,0÷7,0)$  m, chiều rộng gia cố  $B_{gc}=(5,0÷6,3)$  m bằng BTT M250, dày 20 cm phía trên lớp bê tông mặt đê cũ bị hư hỏng, bù phụ bằng BTT M250; hai bên lề đê gia cố bằng BTT M250. Vuốt nổi từ tuyến đê với các dốc hiện có bằng BTT M250 dày 15 cm.

## 2.2. Tu sửa công

2.2.1. Hoàn thiện công trạm bơm Thọ Minh tại K2+600 đê tả Chu, huyện Thọ Xuân: Phá bỏ, hoàn thiện công hiện trạng đã hư hỏng không còn sử dụng; đắp hoàn trả thân đê bằng đất đắp đầm chặt; hoàn trả mặt đê bằng bê tông theo hiện trạng. Hoàn trả mặt đê gồm các lớp kết cấu tuần tự từ trên xuống dưới như sau: BTT M250, dày 20 cm; lớp CPĐD loại II, dày 18 cm; lớp đất đắp đầm chặt  $K\geq 0,98$ , dày 50 cm và lớp đất đắp thân đê đầm chặt  $K\geq 0,95$ . Mái đê phần đắp mới được trồng cỏ chống xói lở.

2.2.2. Hoàn thiện công trạm bơm Xuân Lai tại K13+350 đê tả Chu, huyện Thọ Xuân: Phá bỏ, hoàn thiện công hiện trạng đã hư hỏng không còn sử dụng; đắp hoàn trả thân đê bằng đất đắp đầm chặt; hoàn trả mặt đê bằng bê tông theo hiện trạng. Hoàn trả mặt đê gồm các lớp kết cấu tuần tự từ trên xuống dưới như sau: BTT M250, dày 20 cm; lớp CPĐD loại II, dày 18 cm; lớp đất đắp đầm chặt  $K\geq 0,98$ , dày 50 cm và lớp đất đắp thân đê đầm chặt  $K\geq 0,95$ . Mái đê phần đắp mới được trồng cỏ chống xói lở.

2.2.3. Tu sửa công Hoàng Phụ I tại K64+000 đê tả Mã, huyện Hoàng Hóa: Làm mới 03 cánh cửa công, kích thước (2,2x2,7) m; cánh cửa bằng BTCT và thép hình mạ kẽm; thay mới 03 ổ khóa V5.

2.2.4. Tu sửa công Phú Nhi tại K21+175 đê hữu Lèn, huyện Hậu Lộc: Làm mới 01 cánh cửa công thay thế 01 cánh đã bị hư hỏng, kích thước (1,56x1,6)m; cánh cửa bằng bê tông cốt thép và thép hình mạ kẽm; thay mới 01 ổ khóa V3.

2.2.5. Tu sửa công Hội Khê tại K22+704 đê tả Lèn, huyện Nga Sơn: Làm mới 01 cánh cửa công thay thế 01 cánh đã bị hư hỏng, kích thước (1,3x1,45) m; cánh cửa bằng BTCT và thép hình mạ kẽm; thay mới 01 ổ khóa V3.

2.2.6. Tu sửa công Hậu Trạch I tại K29+643 đê tả Lèn, huyện Nga Sơn: Làm mới 01 cánh cửa công thay thế 01 cánh đã bị hư hỏng, kích thước (2,15x2,95) m; cánh cửa bằng BTCT và thép hình mạ kẽm; thay mới 01 ổ khóa V5.

2.2.7. Tu sửa cổng Trung Tuyệt I tại K7+800 đê tả Lạch Trường, huyện Hoằng Hóa: Làm mới 01 cánh cửa cổng thay thế 01 cánh đã bị hư hỏng, kích thước (1,6x1,9) m; cánh cửa bằng BTCT và thép hình mạ kẽm; thay mới 01 ổ khóa V5.

2.3. Tu sửa kè đoạn từ K11+500-K12+457 đê hữu Chu, huyện Thọ Xuân:

Bóc dỡ đá lát tại các vị trí mái kè bị hư hỏng; lát lại mái kè với các lớp kết cấu theo thứ tự từ trên xuống, gồm: Đá hộc xếp chèn chặt dày 30 cm, đá dăm lót (1x2) cm dày 10 cm và 01 lớp vải địa kỹ thuật ART 15 hoặc tương đương; bổ sung đá hộc hộ chân kè. Làm mới 02 bậc lên xuống trên mái kè bằng bê tông, chiều rộng bậc B=2,0 m. Phát quang, dọn sạch toàn bộ mái kè.

2.4. Xử lý môi bằng công nghệ mới đê tả Mã đoạn từ K8+208÷K14+000, huyện Vĩnh Lộc:

- Khảo sát ẩn họa: Điều tra, khảo sát sinh học, sinh thái môi; thu mẫu và phân tích thành phần loài môi; thăm dò, xác định vị trí ẩn họa ở môi bằng rada đất; xác định trạng thái tổ môi bằng máy dò âm.

- Xử lý ẩn họa: Khoan tạo lỗ, phụt thuốc diệt môi sau đó phun dung dịch vữa bột sét lấp bịt hố khoan.

2.5. Xây dựng kho vật tư phòng chống lụt bão kết hợp điểm canh đê:

Xây dựng mới 04 kho vật tư kết hợp điểm canh đê, trong đó 02 kho trên tuyến đê hữu Mã tại các vị trí K20+580, K54+654; 01 kho trên tuyến đê tả Mã tại K12+600; 01 kho trên tuyến đê hữu Lèn tại K18+000. Thiết kế nhà 01 tầng, diện tích 59,40 m<sup>2</sup>; kết cấu khung cột chịu lực, sàn mái bằng BTCT M250; tường bao che, ngăn cách, tường thu hồi bằng gạch không nung trát vữa XM M75; cửa sổ, cửa đi bằng tôn dập; cửa ra vào và cửa sổ nhà vệ sinh bằng nhựa lõi thép; cửa vào kho là cửa sắt kéo; nền lát gạch ceramic; chống nóng bằng mái tôn; bố trí hệ thống điện chiếu sáng; hệ thống vệ sinh trong nhà.

2.6. Khoan phụt vữa gia cố thân đê hữu Mã các đoạn từ K16+900÷K19+400, K20+300÷K21+600, huyện Yên Định:

Bố trí hai hàng khoan, hàng thứ nhất trên mép lề đê phía sông, hàng thứ hai cách hàng thứ nhất 1,0 m về phía sông, hai hàng bố trí so le nhau, khoảng cách giữa 2 hố khoan trong một hàng là 2,0 m, chiều sâu hố khoan là 6,0 m.

2.7. Phát quang mái đê các đoạn từ K13+300÷K16+700, K22+000÷K26+300 đê tả Chu, huyện Thọ Xuân và Thiệu Hóa; K20+650÷K24+142 đê hữu Chu, huyện Thọ Xuân; K47+000÷K48+000 đê hữu Mã, thành phố Thanh Hóa:

Chặt, đào, nhổ gốc cây, phát quang cỏ dại mọc trên mái đê, thân đê, chân đê và vận chuyển đến nơi quy định. San lấp các hố đào, đắp, đầm nện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

*(Vị trí, hình thức kết cấu chi tiết, biện pháp thi công các hạng mục công*

*trình thể hiện trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công kèm theo).*

3. Phương pháp lập dự toán được lựa chọn và các căn cứ pháp lý để xác định các khoản mục chi phí trong dự toán:

- Phương pháp lập dự toán: được xác định theo khối lượng tính toán từ thiết kế bản vẽ thi công, các yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu công việc phải thực hiện, kế hoạch thực hiện của công trình, điều kiện thi công, biện pháp thi công của công trình, các định mức, đơn giá, chỉ số giá và các chế độ chính sách khác theo quy định hiện hành.

- Các căn cứ pháp lý để xác định dự toán trình thẩm định:

+ Thiết kế bản vẽ thi công do Tư vấn thiết kế lập đã được Cục quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai thẩm định tại Công văn số 784/PCTT- QLĐĐ ngày 12/9/2023;

+ Các Quyết định của Cục trưởng Cục quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai: số 68/QĐ-ĐĐ-QLĐĐ ngày 22/3/2023 về việc phê duyệt Kế hoạch duy tu bảo dưỡng đề điều năm 2023, tỉnh Thanh Hoá; số 208/QĐ-ĐĐ-QLĐĐ ngày 23/6/2023 về việc điều chỉnh Kế hoạch; phê duyệt Dự án và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Duy tu bảo dưỡng đề điều năm 2023, tỉnh Thanh Hóa;

+ Các Nghị định của Chính phủ: số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021; số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021; số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023;

+ Các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021;

+ Các Thông tư của Bộ Tài chính: số 27/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng; số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp; số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 về hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng và các chế độ XDCB của Nhà nước hiện hành;

+ Quyết định số 2962/QĐ-BNN ngày 06/7/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành định mức xây dựng chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giá ca máy khoan phụt vữa gia cố đê theo Quyết định số 3430/QĐ-BNN- ĐĐ ngày 01/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố định mức dự toán khoan phụt vữa gia cố chất lượng thân đê; Giá ca máy xử lý mối đê theo Công văn số 2987/BNN-XD ngày 06/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Công bố Bảng giá ca máy và thiết bị chuyên ngành thi công công trình thủy lợi;

+ Các Quyết định của Sở Xây dựng Thanh Hóa: số 223/QĐ-SXD ngày 11/01/2022 về việc Công bố Đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh



Hóa; số 727/QĐ-SXD ngày 26/01/2022 về việc Công bố bảng giá ca máy và thiết bị thi công trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

+ Công bố Thông tin giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Quý 2 năm 2023, số 4959/LSXD-TC ngày 27/7/2023 và Công bố cập nhật Thông tin giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh tháng 7, tháng 8 năm 2023, số 6167/LSXD-TC ngày 12/9/2023 của liên Sở Xây dựng - Tài chính Thanh Hóa; giá xăng dầu ngày 21/9/2023 của Petrolimex; giá điện theo Quyết định số 1062/QĐ-BCT ngày 04/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Công thương và Chứng thư thẩm định giá số 1209/2023/CT-VATC ngày 12/9/2023 của Công ty cổ phần thẩm định giá và DVTS Toàn Cầu (VATC).

#### **IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ BVTC-DT**

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập, thẩm tra thiết kế xây dựng: Thành phần, nội dung hồ sơ thiết kế xây dựng đầy đủ theo các quy định hiện hành; thiết kế xây dựng áp dụng các Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành.

2. Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân tham gia khảo sát, thiết kế: Nhà thầu khảo sát, thiết kế có năng lực phù hợp quy mô công trình; cá nhân chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn, các cá nhân tham gia thực hiện các lĩnh vực chuyên ngành có chứng chỉ hành nghề theo quy định.

3. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng với thiết kế cơ sở đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định: Thiết kế bản vẽ thi công cơ bản phù hợp với thiết kế cơ sở đã được phê duyệt cùng với dự án tại Quyết định số 208/QĐ-ĐD-QLDD ngày 23/6/2023.

4. Kiểm tra kết quả thẩm tra của tổ chức tư vấn về đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật về áp dụng tiêu chuẩn trong thiết kế đối với trường hợp yêu cầu phải thẩm tra thiết kế theo quy định: Thiết kế bản vẽ thi công không thực hiện thẩm tra thiết kế.

5. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về việc xác định dự toán xây dựng:

a) Sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định dự toán xây dựng công trình; các căn cứ pháp lý để xác định dự toán xây dựng công trình: Đầy đủ, hợp lệ;

b) Sự phù hợp của dự toán xây dựng công trình với tổng mức đầu tư xây dựng đã được phê duyệt; phương pháp xác định dự toán xây dựng công trình: Phù hợp;

c) Sự phù hợp của nội dung dự toán xây dựng công trình với các nội dung và yêu cầu của dự án: Các nội dung dự toán xây dựng công trình cơ bản phù hợp với các nội dung và yêu cầu của dự án;

d) Sự tuân thủ các quy định của pháp luật về việc áp dụng, tham khảo hệ thống định mức, giá xây dựng công trình và các công cụ cần thiết khác theo quy định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, công bố: Cơ bản phù hợp; tuy nhiên một số định mức, đơn giá chưa phù hợp, đơn vị thẩm định đã đề nghị Tư vấn thiết kế chỉnh sửa cho phù hợp;

đ) Danh mục định mức dự toán mới, định mức dự toán điều chỉnh (nếu có) và phương pháp xác định; xác định danh mục các định mức cần tổ chức khảo sát trong quá trình thi công xây dựng: Không;

e) Kết quả hoàn thiện, bổ sung hồ sơ trình thẩm định dự toán xây dựng công trình theo kiến nghị của cơ quan chuyên môn về xây dựng: Dự toán trình thẩm định đã hoàn thiện theo ý kiến của Cục quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai tại Công văn số 784/PCTT-QLĐĐ ngày 12/9/2023;

f) Sự phù hợp, đầy đủ của việc xác định khối lượng công tác xây dựng, chủng loại và số lượng thiết bị tính trong dự toán xây dựng công trình so với thiết kế: Cơ bản phù hợp, đầy đủ; tuy nhiên có một số khối lượng, đơn giá chưa phù hợp, đơn vị thẩm định đã đề nghị Tư vấn thiết kế chỉnh sửa cho phù hợp;

g) Giá trị dự toán xây dựng công trình sau thẩm định: 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng).

Trong đó:

Đơn vị : Đồng

TT	Khoản mục chi phí	Dự toán trình thẩm định	Dự toán sau thẩm định	Chênh lệch (tăng + giảm-)
1	Chi phí xây dựng và thiết bị	35.998.886.000	35.703.567.000	-295.319.000
2	Chi phí tư vấn ĐTXD	3.288.091.000	3.281.351.000	-6.740.000
3	Chi phí khác	713.023.000	1.015.082.000	302.059.000
	<b>Tổng cộng</b>	40.000.000.000	40.000.000.000	0

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

h) Nguyên nhân giảm dự toán: Một số khối lượng, đơn giá chưa phù hợp, đơn vị thẩm định đã đề nghị Tư vấn thiết kế chỉnh sửa phù hợp với thiết kế bản vẽ thi công đã thẩm định, các chế độ chính sách và quy định hiện hành.

6. Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường: Nội dung các báo cáo, các phụ lục tính toán trong hồ sơ thiết kế cho thấy giải pháp thiết kế đảm bảo ổn định trong các trường hợp; thuyết minh thiết kế bản vẽ thi công, chỉ dẫn kỹ thuật thi công đã nêu cơ bản đầy đủ việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.

7. Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật có liên quan: Pháp luật hiện hành không có các yêu cầu khác đối với công trình.

8. Yêu cầu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện thiết kế, dự toán xây dựng:

a) Sửa đổi, bổ sung hồ sơ thiết kế: Không;

b) Sửa đổi, bổ sung dự toán xây dựng: Không.

## V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Chi cục Thủy lợi và các đơn vị tư vấn khảo sát, thiết kế chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu được sử dụng trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng trình, gồm: các tài liệu khảo sát địa hình, địa chất; cự ly, loại ô tô vận chuyên; cấp, loại đường vận chuyên đất, phế thải ra bãi thải của các hạng mục công trình; vị trí các mỏ đất, cát, đá và cung đường vận chuyên để cung cấp vật liệu cho công trình; khối lượng chính trang phát quang mái đê. Hoàn thiện hồ sơ và nộp 01 bản chụp tài liệu thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đã được chỉnh sửa và đóng dấu thẩm định về Sở Nông nghiệp và PTNT để lưu trữ và quản lý theo quy định.

Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công các hạng mục thuộc dự án Duy tu bảo dưỡng đê điều năm 2023, tỉnh Thanh Hóa đủ điều kiện để trình phê duyệt./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Cục QLĐĐ và PCTT (để báo cáo);
- Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Lưu VT, QLXDCT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Hoài Nam**